

Vườn Quốc gia Cát Bà

Tên khác:

Không có

Tỉnh:

Hải Phòng

Diện tích:

15.200 ha

Toa độ:

20°44' - 20°51' N, 106°58' - 107°10' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Đồng bằng sông Hồng

Có quyết định của Chính phủ:

Có

Đã thành lập Ban quản lý:

Có

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Có

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

A, B, C

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có Bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Vườn Quốc gia Cát Bà được thành lập theo Quyết định số 79/CT, ngày 31/03/1986, của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Bộ NN&PTNT, 1997). Diện tích được đưa ra trong quyết định này là 15.200 ha, bao gồm 9.800 ha của đảo Cát Bà và một số hòn đảo nhỏ và 5.400 ha diện tích vùng biển xung quanh.

Ngày 01/08/1991, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt Luận chứng kinh tế kỹ thuật VQG Cát Bà (Hải Phòng) thuộc Bộ Lâm nghiệp theo Quyết định số 237-CT. Diện tích vùng đệm được tính gồm những dải đất và vùng mặt nước bao quanh Vườn rộng từ 1-3 km tính từ ranh giới Vườn trở ra. Ban Quản lý đã được thành lập với nhiệm vụ quản lý cả phần trên đất liền và phần biển. Ngày 28/4/1997, Bộ trưởng Bộ NN& PTNT ra Quyết định số 694/NN-TCCB/QĐ quy định chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của VQG Cát Bà. Hiện nay Ban Quản lý có 86 cán bộ, 15 trạm bảo vệ và thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ NN&PTNT (Ban quản lý VQG Cát Bà, 2003).

Năm 2002, UBND Thành phố Hải Phòng đã đề cử quần đảo Cát Bà là khu dự trữ sinh quyển (Vietnam News 2002, 2003). Ngày 10/07/2003, quần đảo Cát Bà đã được UB Thường trực về Con người và Sinh quyển Chương trình UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thứ 3 tại Việt Nam.

Cát Bà có trong danh lục các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục Kiểm

lâm - Bộ NN&PTNT với diện tích 15.200 ha (Cục Kiểm lâm, 2003), danh lục này hiện vẫn chưa được Chính phủ phê duyệt.

Địa hình và thủy văn

VQG Cát Bà thuộc địa phận huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Trung tâm của Vườn Quốc gia là đảo Cát Bà rộng 28.500 ha nằm cách thành phố Hải Phòng 20 km về phía đông và sát ngay phía tây của vịnh Hạ Long. Vườn quốc gia còn bao gồm một số hòn đảo nhỏ và các vùng biển ở phía đông đảo Cát Bà.

Giống như vịnh Hạ Long, cảnh quan chủ yếu ở VQG Cát Bà là các vùng đá vôi trồi lên trên mặt biển. Địa hình gồ ghề lởm chởm và với những mỏm đá nổi cộm lên. Vườn quốc gia nằm trong khoảng độ cao từ mặt biển đến 331 m ở đỉnh núi Cao Vọng.

Địa hình đảo Cát Bà có kiểu cảnh quan cát-tơ già điển hình, hệ thống thủy văn rất phức tạp do các hệ nước ngầm đảm bảo phần lớn việc tiêu thoát nước ngay trong VQG. Trung tâm của đảo Cát Bà nằm cách bờ biển khoảng 5 km và ở đó các khe suối tiêu thoát nước bề mặt không phát triển và chỉ theo mùa.

Đa dạng sinh học

VQG Cát Bà có mức độ đa dạng rất cao về hệ sinh thái bao gồm rừng ở chân núi, rừng trên núi đá vôi, các hồ nước ngọt nhỏ, rừng trong đầm nước ngọt, rừng ngập mặn, bãi cát và các rạn san hô. Kiểu thảm thực vật tự nhiên chính trên đảo Cát Bà là rừng trên núi đá vôi.

Tuy nhiên, rừng ở đây đang bị tác động ở mức độ cao, nhiều vùng rộng lớn ở đây đã bị thay thế bởi thảm cây bụi trên núi đá vôi hay các mỏm đá trọc. Ngoài ra, có một số diện tích rừng ngập mặn dọc theo bờ của đảo Cát Bà, tuy nhiên, hầu hết chúng nằm bên ngoài Vườn quốc gia và phần lớn ở trong vùng các ao nuôi trồng thủy sản. Đến nay, đã có 839 loài thực vật bậc cao có mạch được ghi nhận trong Vườn quốc gia, trong đó có 25 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam (Anon 1997).

Do sự cách ly tự nhiên của đảo với đất liền và mức độ săn bắn cao, nên sự đa dạng và phong phú của các loài thú ở Cát Bà thấp so với các vườn quốc gia khác ở Việt Nam. Theo Nadler và Hà Thăng Long (2000) thì chỉ có một số ít loài thú móng guốc còn có trên đảo là Sơn dương *Naemorhedus sumatraensis*, Lợn rừng *Sus scrofa* và Hoẵng (Mang) *Muntiacus muntjak* nhưng cũng chỉ có Sơn dương là còn tương đối phổ biến. Đáng chú ý nhất về mặt bảo tồn đó là VQG Cát Bà hiện là nơi cư trú của một quần thể phân loài Voọc đầu trắng *Trachypitecus poliocephalus* duy nhất trên thế giới. Kết quả điều tra chi tiết về loài linh trưởng đặc hữu này trong các năm 1999 và 2000 chỉ ra rằng quần thể Voọc đầu trắng ở đây chỉ còn khoảng từ 104 đến 135 cá thể, trong đó có từ 50 đến 75 con trưởng thành (Nadler và Hà Thăng Long, 2000).

Các sinh cảnh núi đá vôi ở VQG Cát Bà rất quan trọng đối với hàng loạt các taxon động vật không xương sống. Theo một điều tra năm 1998 đã chỉ ra rằng do có rất nhiều hốc ẩm thích hợp trong các vùng rừng trên đá vôi, nên Vườn Quốc gia có một khu hệ ốc sên rất phong phú và đa dạng (Vermulen và Whitten, 1998).

Các vấn đề về bảo tồn

Trước năm 1979, dân số trên đảo Cát Bà tương đối thấp. Tuy nhiên, sau thời gian đó, một số lượng lớn dân đã di cư từ đất liền đến định cư trên đảo. Hiện nay có 12.303 người sinh sống trong khu vực vùng đệm VQG và 850 người sống bên trong Vườn (Ban quản lý VQG Cát Bà, 2003). Trong đó có 70% dân số sống tại thị trấn Cát Bà, hầu hết số dân này sống bằng nghề đánh bắt thủy sản, buôn bán và dịch vụ. Dân cư sống ở các thôn xóm trong hoặc gần Vườn Quốc gia chủ yếu là nông dân, họ khai thác lâm sản rất mạnh. Những loại lâm sản bị khai thác nhiều nhất là gỗ, củi đốt, mật ong, măng, các loại củ ăn được, ếch nhái và tắc kè (Nadler và Hà Thăng Long, 2000).

Đến năm 1989, vẫn còn một lâm trường khai thác gỗ trên đảo Cát Bà, điều đó đã dẫn đến mất hầu hết thảm rừng ở các thung lũng và phần phía tây nam của đảo. Đến nay, việc khai thác gỗ thương mại không còn nữa do số lượng cây gỗ lớn còn lại không nhiều, tuy nhiên, khai thác ở quy mô nhỏ vẫn diễn ra phục vụ cho nhu cầu sử dụng tại chỗ. Thu mật ong thường diễn ra vào khoảng từ tháng 8 đến tháng 11 và trong tháng 5, cách thu mật ong của người dân ở đây cũng thường gây ra cháy rừng, đe dọa các sinh cảnh chính của loài Voọc đầu trắng (Nadler và Hà Thăng Long, 2000).

Nadler và Hà Thăng Long (2000) cho rằng săn bắn là mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với các quần thể động vật ở đảo Cát Bà, và đặc biệt là với quần thể Voọc đầu trắng đặc hữu. Trong khoảng từ 1970-1986, ước tính có 500-800 con voọc bị giết, và trong những năm 1990, tối thiểu có 90 cá thể bị giết hoặc bị bắt. Nadler và Hà Thăng Long (2000) đã cảnh báo nếu không cải thiện các biện pháp bảo vệ, quần thể Voọc còn lại này sẽ phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong thời gian ngắn.

Trong những năm gần đây, du lịch đã trở thành trọng tâm của nền kinh tế địa phương. Tuy nhiên, phát triển du lịch thiếu kiểm soát đã bắt đầu đe dọa đến môi trường của đảo, đây là sự thật mà các cán bộ Vườn đã thừa nhận (M. Appleton pers, 2000). Trên thực tế, nếu phát triển có cân nhắc đến môi trường thì du lịch có tiềm năng đóng góp một cách tích cực cho công tác bảo tồn ở VQG Cát Bà, thông qua bổ sung thêm nguồn thu và góp phần nâng cao nhận thức môi trường.

Các giá trị khác

Mỗi năm, Cát Bà đón một số lượng rất lớn du khách cả trong nước và quốc tế. Một phần đáng kể trong số đó đã đến thăm Vườn Quốc gia cả bằng đường bộ, bằng đường mòn hay đi thuyền qua phân khu bảo tồn biển. Do vậy, Vườn Quốc gia có thể được coi là đã có những đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế đảo.

Các dự án có liên quan

Giữa năm 1999-2000, Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Thế Giới Chương trình Đông Dương- WWF đã bắt đầu một dự án giáo dục môi trường quy mô nhỏ tại VQG Cát Bà. Bước đầu là thành lập một Trung tâm giáo dục môi trường ở văn phòng Vườn quốc gia và qua đó cải thiện cơ sở vật chất hạ tầng cho việc đón tiếp du khách. Một số đợt tuyên truyền giáo dục sẽ được tiến hành tại các

trường ở thị trấn Cát Bà để nâng cao nhận thức về Vườn quốc gia và các hoạt động của nó. Dự án này được tài trợ bởi đại sứ quán Vương quốc Hà Lan với sự đóng góp của Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên Thế giới (WWF) và VQG Cát Bà.

Từ 2000-2002, Tổ chức Bảo vệ động thực vật Quốc tế - FFI Chương trình Đồng Dương đã tiến hành thực hiện dự án *Nâng cao nhận thức bảo tồn VQG Cát Bà*, với sự tài trợ của đại sứ Anh. Dự án có 3 chương trình phụ gồm (i) chương trình dựa vào trường học với sự tham gia của học sinh, giáo viên và cán bộ VQG; (ii) chương trình dựa trên cộng đồng với sự tham gia của dân địa phương và cán bộ kiểm lâm; (iii) chương trình liên quan nơi công cộng với các bài viết cho các báo, đài truyền thanh Quốc gia, thông tin cho khách du lịch về các giá trị Đa dạng sinh học và mối đe dọa trên đảo. Bên cạnh đó, kết hợp với tổ chức phi Chính phủ của Đức DED, Ban quản lý VQG đã tiến hành dự án giám sát các tác động của các hoạt động tạo thu nhập liên quan đến công việc nuôi ong lên Đa dạng sinh học (Theo lời Trần Thị Bình, 2003).

Năm 2001, Hiệp hội động vật về bảo tồn loài và quần thể bắt đầu triển khai dự án *Bảo tồn Voọc Cát Bà*. Đến nay, các hoạt động của dự án này bao gồm cả việc giám sát quần thể và bảo tồn nguyên vị Voọc đầu trắng.

Trong hai năm 2002 - 2003, Hội phụ nữ huyện Cát Hải thực hiện dự án *đóng góp vào công tác bảo tồn Đa dạng sinh học tại VQG Cát Bà thông qua các hoạt động cộng đồng*. Dự án được chương trình cỡ nhỏ của UNDP/GEF tài trợ. Hoạt động của dự án bao gồm nâng cao nhận thức, thắt chặt hợp tác giữa chính quyền địa phương và Ban quản lý VQG cũng như các đóng góp cho công tác bảo tồn của các loại cây ăn quả địa phương.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được tiến hành đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Kế hoạch quản lý chưa được xây dựng.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Cát Bà đáp ứng các tiêu chí A, B và C. Tuy nhiên, do việc quản lý tập trung rừng đặc dụng, khu vực chỉ có

thể phù hợp để được nhận tài trợ của VCF khi kế hoạch đầu tư và Kế hoạch quản lý chỉ ra được phần lớn các nguồn tài trợ của Chính phủ được dành cho các hoạt động bảo tồn.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	NH4 - Cát Bà
A _{II}	
B _I	Quyết định số 237/CT ngày 01/08/1991
B _{II}	Vườn Quốc Gia
B _{III}	Chịu sự quản lý của Trung ương
C _I	Ban quản lý đã thành lập
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

ADB (1998) Coastal and marine environmental management in the South China Sea (East Sea): phase 2, inception report. Hanoi: Asian Development Bank.

Anon. (1997) "Report on the seminar on development planning for the Ha Long-Cat Ba tourism area, 28-30 April 1997". Ha Long: Quang Ninh Provincial People's Committee and Hai Phong City People's Committee. In Vietnamese.

Anon. (undated) "List of plant and animal species at Cat Ba National Park". Unpublished list of plants. In Vietnamese.

Cheung, C. P. S. (1992) Report on a visit to the coasts of Vietnam. Unpublished report to WWF Asian Region.

Cheung, C. and Vo Si Tuan (1993) Survey report on the biodiversity, resource utilization and conservation potential of Cat Ba region, Hai Phong, northern Vietnam. Gland: WWF International and the Institute of Oceanography, Nha Trang

Dang Huy Huynh, Cao Van Sung and Le Xuan Canh (1996) A report on the survey for biological

resources in Cat Ba National Park, north Vietnam. Hanoi: Institute of Ecology and Biological Resources.

Deharveng, L. (1998) Ha Long bay biodiversity survey: cave fauna. Unpublished report.

EVS (1996) Coastal and marine environmental management for Ha Long bay, Socialist Republic of Vietnam: final report. Vancouver: EVS Environmental Consultants.

FFI Indochina Programme (1999) Cat Ba National Park: background information. Briefing paper of the Fauna and Flora International Indochina Programme.

FFI Indochina Programme (2000) Hope on the horizon for the Golden-headed Langur. Hanoi: Fauna and Flora International Press Release, June 2000.

Furey, N., Le Xuan Canh and Fanning, E. (2002) Cat Ba National Park: biodiversity survey 1999. London and Hanoi: The Society for Environmental Exploration and the Institute of Ecology and Biological Resources.

KNCCN, IEBR and HNU (1997) Ecosystem and biodiversity of Cat Ba National Park and Ha Long bay, Vietnam. Seoul: The Korean National Council for Conservation of Nature, the Institute of Ecology and Biological Resources, Hanoi, and Hanoi National University.

Kottelat, M. (1998) Fishes observed on Cat Ba island and in Quang Ninh province between 20 Sept and 5 Oct 1998. Unpublished report.

Le Xuan Canh and Campbell, B. (1994) Population status of *Trachypithecus francoisi poliocephalus* in Cat Ba National Park. Asian Primates 3: 16-19.

Nadler, T. (1999) Golden-headed Langur *Trachypithecus poliocephalus* in the Endangered Primate Rescue Centre, Vietnam and the situation of the species in the wild. EPRC Newsletter 4: 17-19.

Nadler, T. and Ha Thang Long (2000) The Cat Ba Langur: past, present and future: the definitive report on *Trachypithecus poliocephalus*, the world's rarest primate. Hanoi: Endangered Primate Rescue Centre.

Nettelbeck, A. R., Nadler, T., Duckworth, W. and Nguyen Thi Thu Hien (1998) A visit to Cat Ba National Park, Vietnam. Unpublished report to Fauna and Flora International-Indochina Programme.

Nguyen Thi Son (1997) Nature-based tourism and national parks in developing countries: the case of Cat Ba Island National Park, Vietnam. Thesis submitted to University of New England, Australia.

Ridsdale, C. E. (undated) Cat Ba National Park, Vietnam. Unpublished report to the Netherlands Management Cooperation Programme.

Scott, D. A. (1989) A directory of Asian wetlands. Gland: IUCN.

Timko, J. (undated) Achieving ecological harmony: the convergence of ecological knowledge and biodiversity conservation in Cat Ba National Park, Vietnam. Unpublished report.

Trinh Dinh Thanh and Le Van Quy (1985) "Cat Ba National Park". Hai Phong: Hai Phong Publishing House. In Vietnamese.

Vermeulen, J. J. and Whitten, A. J. (1998) Land and freshwater molluscs of the karst regions ENE of Haiphong and the Cuc Phuong National Park, northern Vietnam. Unpublished report to IUCN Vietnam, Fauna and Flora International Indochina Programme and the Management Authorities of Ha Long Bay World Heritage Site and Cat Ba and Cuc Phuong National Parks.

Vietnam News (2002) Cat Ba National Park to be Viet Nam's third biosphere. Vietnam News 1 June 2002.

Vietnam News (2003) Bee programme proves a buzz. Vietnam News 11 June 2003.

Vietnam News (2003) Cat Ba islands to get UNESCO nod. Vietnam News 21 May 2003.

